

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23/02/2021

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Ngọc Diễm;
2. Ông Nguyễn Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Ngọc Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 05/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05^a/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Trần Văn V, sinh năm: 1973;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ liên lạc: khu phố E, phường P, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: chị Nguyễn Thị Mỹ P, sinh năm: 1977;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Anh V, chị P có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 7 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Văn V trình bày:

Anh Trần Văn V và chị Nguyễn Thị Mỹ P tự nguyện kết hôn vào năm 1996. Anh chị tự tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh sống chung với mẹ chị P tại ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Trong quá trình chung sống không có hạnh phúc, rất nhiều mâu thuẫn và bất đồng. Nguyên nhân do anh V đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà. Chung sống với nhau được 04 năm, vợ chồng anh ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân, anh chị sống mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người

này sống, tình hình sức khỏe, cuộc sống, sinh hoạt của nhau không ai biết đến ai. Nay, anh V xác định không còn tình cảm với chị P nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị P.

Về nuôi con chung: anh V, chị P có 01 con chung là Trần Nguyễn Như N, sinh ngày 14/4/1997. Hiện nay, Như N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh V không yêu cầu chị P cấp dưỡng cho anh sau khi ly hôn.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ P trình bày:

Chị P xác định những lời trình bày trên đây của anh V là đúng. Đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh V, chị P đồng ý.

Về nuôi con chung: anh chị có 01 con chung tên là Trần Nguyễn Như N, sinh ngày 14/4/1997. Hiện nay, Như N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị P không yêu cầu anh V cấp dưỡng cho anh sau khi ly hôn.

Do bận công việc và xa xôi nên anh V, chị P không đến dự phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa sơ thẩm được, anh chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 15/12/2020, anh Trần Văn V khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ P. Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về việc “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Trần Văn V và bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ P có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh V, chị P là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Đối với yêu cầu ly hôn của anh V:*

Anh V, chị P tự nguyện kết hôn vào năm 1996 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang, anh chị được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/02/1996. Chứng cứ này là có cơ sở nên được công

nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, anh chị sống không hạnh phúc, nhiều mâu thuẫn và bất đồng. Nguyên nhân do anh V đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà. Chung sống với nhau được 04 năm, vợ chồng anh ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân cả hai sống mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau, mỗi ai người nấy sống, tình hình sức khỏe, cuộc sống, sinh hoạt của nhau không ai biết đến ai. Anh V, chị P xác định không còn tình cảm với nhau nên đồng ý ly hôn. Từ các căn cứ trên, có cơ sở khẳng định tình trạng của vợ chồng anh V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của anh V là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về nuôi con chung: anh V, chị P có 01 con chung là Trần Nguyễn Như N, sinh ngày 14/4/1997. Hiện nay, Như N đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Anh V, chị P không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

[5] Về án phí: anh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn V xin ly hôn đối với chị Nguyễn Thị Mỹ P;

* Về hôn nhân: cho ly hôn giữa anh Trần Văn V với chị Nguyễn Thị Mỹ P.

* Về nuôi con chung: anh Trần Văn V, chị Nguyễn Thị Mỹ P có 01 con chung là Trần Nguyễn Như N, sinh ngày 14/4/1997, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về chia tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Văn V và chị Nguyễn Thị Mỹ P không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

2. Về án phí: Anh Trần Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004805 ngày 23/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- UBND xã Bình An, huyện Kiên Lương,
tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THA DS huyện Châu Thành;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Minh Trung